

Phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho đồng bào dân tộc Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long

ThS. PHẠM KIM THÀNH

Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh; Email: kimthanh.phamwork@gmail.com

Tóm tắt: Tại đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào Khmer đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều thách thức như nghèo đói, bệnh tật, việc làm, giáo dục và môi trường. Những vấn đề này cản trở sự phát triển bền vững xã hội của người Khmer nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung. Bài viết này tập trung tìm hiểu thực trạng và đề xuất một số giải pháp phát triển cho đồng bào Khmer ở ĐBSCL hiện nay.

Từ khóa: dân tộc Khmer; Đồng bằng sông Cửu Long; phát triển kinh tế.

1. Đặt vấn đề

ĐBSCL là vùng kinh tế được đánh giá có nhiều lợi thế và tiềm năng phát triển, đồng thời là nơi sinh sống lâu đời của nhiều cộng đồng dân tộc. Đồng bào Khmer là một trong những dân tộc quan trọng sinh sống lâu đời và không thể tách rời trong sự phát triển chung của khu vực. Họ không chỉ đóng vai trò quan trọng về văn hóa, xã hội mà còn góp phần đáng kể vào phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và giữ gìn an ninh quốc phòng. Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người Khmer. Với sự quan tâm đó, nên đồng bào Khmer đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy tiến trình phát triển bền vững ở khu vực vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: Tỷ lệ hộ nghèo, thiếu việc làm, điều kiện giáo dục - y tế, hạ tầng cơ sở và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản vẫn còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, với tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, dịch bệnh, và quá trình đô thị hóa thiếu kiểm soát đang đặt ra nhiều thách thức mới, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của cộng đồng Khmer tại ĐBSCL.

Trước yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội đối với đồng bào Khmer không chỉ mang ý nghĩa nhân văn, đảm bảo công bằng xã hội mà còn là điều kiện tiên quyết để giữ vững ổn định chính trị, tăng cường

khối đại đoàn kết dân tộc và thực hiện thành công chiến lược phát triển bền vững quốc gia. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, bài viết nhằm đề xuất các giải pháp khả thi để phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đồng bào Khmer tại ĐBSCL, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển và đảm bảo công bằng xã hội.

2. Bối cảnh và tầm quan trọng của phát triển bền vững

Năm 1980, trong bản "Chiến lược bảo tồn thế giới" do Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên thiên nhiên (IUCN) đã đưa ra quan điểm phát triển bền vững là "đạt được sự phát triển bền vững bằng cách bảo vệ các tài nguyên sinh vật". Do vậy, nội hàm khái niệm này mới chỉ nhấn mạnh tính bền vững của sự phát triển về mặt sinh thái, và nhằm kêu gọi việc bảo tồn tài nguyên sinh vật.

Năm 1987, trong Báo cáo "Tương lai chung của chúng ta", Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) của Liên Hợp Quốc định nghĩa "phát triển bền vững" là "phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn thương khả năng cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai". Khái niệm này được tái khẳng định ở Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và Phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992.

Năm 2002 tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hòa Nam Phi) đã bổ sung "Phát triển bền vững" là quá trình

phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên).

Đối với Việt Nam, phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu chung mà còn mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các cộng đồng dân tộc thiểu số. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước luôn kiên định mục tiêu thực hiện triệt để quyền bình đẳng về mọi mặt giữa các dân tộc, xóa bỏ chênh lệch về trình độ kinh tế, văn hóa, và đảm bảo một cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc, đoàn kết cho tất cả các dân tộc. Mục tiêu cốt lõi của các chính sách này là không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển chung của đất nước. Việc hiểu sâu sắc khái niệm phát triển bền vững, có ý nghĩa chiến lược đối với đồng bào dân tộc thiểu số như người Khmer. Sự phát triển bền vững cho cộng đồng này trong giai đoạn hiện nay không chỉ đơn thuần là tăng trưởng GDP hay cải thiện các chỉ số kinh tế, mà còn đảm bảo bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, y tế, và các cơ hội phát triển không bị phân biệt đối xử. Như quyền tự quyết văn hóa, quyền được giữ gìn ngôn ngữ, tín ngưỡng và phong tục tập quán. Vậy, nếu chỉ tập trung vào phát triển kinh tế mà bỏ qua các yếu tố xã hội và văn hóa thì sự phát triển sẽ không thực sự bền vững, có thể dẫn đến sự mất mát về giá trị truyền thống, tiềm ẩn nguy cơ gây ra xung đột xã hội hoặc sắc tộc. Do đó, việc lồng ghép văn hóa và quyền của cộng đồng vào mọi chiến lược phát triển là một yêu cầu tiên quyết, đây không phải là yếu tố bổ sung.

3. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long

3.1. Những thành tựu đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long

Trong những năm qua, dưới sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, cùng với sự nỗ lực của chính quyền các cấp và cộng đồng nên đời sống kinh tế - xã hội của đồng bào Khmer ở ĐBSCL đã có những chuyển biến tích cực, đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể.

Về phát triển kinh tế và cải thiện sinh kế: Thu nhập

và mức sống của đại đa số đồng bào Khmer đã được cải thiện rõ rệt, với số hộ đủ ăn và khá ngày càng tăng. Cụ thể, tại một số vùng ở thành phố Cần Thơ, các hộ gia đình Khmer đã thành công với mô hình nuôi trồng tổng hợp (trồng lúa, dừa, nuôi bò, cá, rắn ri voi). Phụ nữ Khmer ở Long Phú (Cần Thơ) đã xây dựng thành công nhiều mô hình kinh tế như trồng lúa kết hợp nuôi heo, trồng màu, hoặc trồng sen kết hợp chăn nuôi bò, giúp nhiều hộ thoát nghèo và ổn định kinh tế. Tại Vĩnh Long, các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất lúa chất lượng cao cũng góp phần nâng cao thu nhập cho đồng bào.

Về phát triển giáo dục: Chất lượng dạy và học được nâng cao rõ rệt, thể hiện qua tỷ lệ trẻ em đến trường cao. Điều này góp phần quan trọng vào việc thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các dân tộc, vùng miền, cũng như giữa thành thị và nông thôn. Các trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động hiệu quả, cùng với các chính sách hỗ trợ như cử tuyển, đào tạo nghề và dạy tiếng dân tộc nên số học sinh, sinh viên ngày càng tăng.

Về y tế và chăm sóc sức khỏe: Hệ thống y tế từ tỉnh đến cơ sở được tăng cường, chất lượng khám, điều trị bệnh từng bước được nâng lên. Hầu hết các trạm y tế hoặc phòng khám đa khoa khu vực đều có bác sĩ. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số cũng được triển khai, với ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% mức đóng bảo hiểm y tế trong 3 năm cho các đối tượng tại xã khu vực II, III, thôn đặc biệt khó khăn.

Về nhà ở và hạ tầng: Đồng bào Khmer đã tham gia tích cực vào quá trình triển khai các dự án xây dựng điện, đường, trường, trạm y tế, cơ sở vật chất văn hóa, và hạ tầng thương mại ở xã và ấp. Nhiều địa phương đã đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng, như thành phố Cần Thơ tập trung đầu tư gần 800 tỷ đồng (giai đoạn 2021-2025) để xây dựng kết cấu hạ tầng, thiết chế xã hội, và giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho gần 4.500 hộ. Tỉnh Vĩnh Long bố trí gần 626 tỷ đồng (năm 2023) để hỗ trợ đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt và chuyển đổi nghề cho hàng trăm hộ. Các công trình nước sạch cũng đã được đưa đến các hộ dân tộc sinh sống dọc biên giới.

Về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc: Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào Khmer luôn được các địa phương

tích cực thực hiện, góp phần quan trọng gìn giữ bản sắc văn hóa. Như bảo tàng Văn hóa dân tộc Khmer tỉnh Vĩnh Long lưu giữ khoảng 800 hiện vật, tư liệu cổ, quý phản ánh về đời sống văn hóa tinh thần và vật chất của người Khmer ở ĐBSCL. Các ngôi chùa Khmer được trùng tu, tôn tạo khang trang, lưu giữ kiến trúc độc đáo và giá trị tâm linh, tín ngưỡng.

Việc khôi phục bảo tồn và phục dựng lại các lễ hội truyền thống, văn hóa dân gian không chỉ góp phần làm phong phú đời sống văn hóa, thể thao mà còn tạo ra sân chơi lành mạnh, bổ ích cho cộng đồng người Khmer. Các hoạt động giáo dục và đào tạo về văn hóa Khmer cũng được triển khai để truyền đạt và phát huy di sản. Nghề dệt thổ cẩm ở Văn Giáo (An Giang) đã hồi sinh và phát triển mạnh mẽ nhờ nỗ lực của nghệ nhân và sự hỗ trợ từ các dự án. Tại Vĩnh Long, việc bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết riêng của người Khmer được chú trọng thông qua Trường Trung cấp Pali Khmer.

3.2. Những hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, thế nhưng phát triển kinh tế - xã hội của đồng bào Khmer ở ĐBSCL vẫn đối mặt với nhiều thách thức và ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển bền vững cho khu vực.

Thu nhập thấp và nghèo đói với tỷ lệ khá cao: Mặc dù thu nhập đã được cải thiện, ĐBSCL vẫn có thu nhập bình quân đầu người thấp hơn mức trung bình của cả nước (60 triệu đồng/người/năm so với 74 triệu đồng/người/năm của cả nước). Tỷ lệ hộ nghèo người Khmer vẫn còn cao, số hộ nghèo người Khmer là 54.029 hộ, chiếm tỷ lệ 19,41% so với tổng số hộ nghèo toàn vùng, chiếm 11,49% so với tổng số hộ dân tộc Khmer; hộ cận nghèo là 37.835 hộ, chiếm 14,75% tổng số hộ cận nghèo toàn vùng, chiếm 11,54% tổng số hộ dân tộc Khmer⁽¹⁾. Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ tái nghèo và phát sinh nghèo hàng năm còn cao. Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa dân tộc Khmer với các dân tộc khác trong vùng chưa được thu hẹp.

Thiếu đất và không có đất sản xuất: Người Khmer ở ĐBSCL chủ yếu gắn bó với nghề nông, nhưng lại đối mặt với tình trạng thiếu thốn đất sản xuất. Theo đó, hiện vẫn còn 54.234 hộ thiếu đất sản xuất, trong đó có 10.534 hộ cần hỗ trợ về đất sản xuất, 43.700 hộ có nhu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề. Trong khi đó, quỹ

đất dành cho sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh hầu như không còn, nên việc hỗ trợ đất sản xuất gặp nhiều khó khăn, giá đất sản xuất cao hơn so với mức được nhà nước hỗ trợ⁽²⁾.

Kinh tế hàng hóa chưa phát triển và năng suất lao động thấp: Hoạt động kinh tế của đồng bào Khmer còn chưa hiệu quả, sản xuất trồng trọt theo tập quán cũ, tự cung tự cấp, năng suất lao động thấp. Mặc dù trong thời gian qua, hoạt động sản xuất hàng hóa đã có những bước tiến đáng kể, tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ đồng bào dân tộc Khmer vẫn chưa vượt qua được hình thức sản xuất khép kín và manh mún. Kinh tế hàng hóa chưa phát triển và việc áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều bất cập⁽³⁾.

Trình độ học vấn và nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế: Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo ở ĐBSCL là 14,5%, thấp nhất cả nước và thấp hơn tới 11,9% so với mức chung của cả nước. Nếu so sánh với các vùng kinh tế trọng điểm khác như Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ thì tỷ lệ này có sự chênh lệch lớn: Đồng bằng sông Hồng là 37,1%; Bắc Trung Bộ là 26,7%; Đông Nam Bộ là 28,2%⁽⁴⁾. Trong đó, trình độ học vấn của đồng bào Khmer còn khá thấp. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ khoảng 3%, mức thấp nhất cả nước. Tỷ lệ nguồn nhân lực chưa qua đào tạo khoảng 97,7% (cao thứ hai sau dân tộc Mông với 98,7%)⁽⁵⁾. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của đồng bào Khmer là 75,1% (so với mức chung của 53 dân tộc là 83,3%). Với trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật thấp đặt ra không ít khó khăn, trở ngại đối với việc phát huy vai trò của đồng bào Khmer trong phát triển bền vững cho ĐBSCL.

Thách thức về mai một bản sắc văn hóa: Văn hóa chùa chiền của người Khmer mang đậm nét Phật giáo Nam tông, với ngôi chùa là trung tâm đời sống tinh thần và xã hội, nơi thờ cúng, lưu giữ kinh sách, thực hiện nghi lễ và là nơi cộng đồng gắn bó suốt đời. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và kinh tế thị trường đã tác động tiêu cực đến văn hóa và cấu trúc xã hội truyền thống của người Khmer. Hình ảnh và vai trò của nhà chùa, sư sãi không còn được xem trọng như trước. Nhiều lễ hội, tín ngưỡng gắn chặt trong đời sống tâm linh từ lâu của đồng bào Khmer có phần bị xem nhẹ. Các thanh niên, đa phần là lớp trẻ, không còn tha thiết với các lễ hội, tín ngưỡng dân gian như trước, thay vào đó họ thích tham gia vào các

lễ hội hiện đại du nhập từ nước ngoài hoặc của các cộng đồng dân tộc khác⁽⁶⁾.

Nguy cơ mai một ngôn ngữ và nghề truyền thống: Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, nguy cơ mai một tiếng nói, chữ viết Khmer là điều khiến nhiều nhà nghiên cứu văn hóa lo lắng. Sự giao thoa ngôn ngữ với tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Mã Lai cũng là một những nguy cơ mai một tiếng nói⁽⁷⁾. Và cuộc sống mưu sinh khó khăn, đặc biệt đối với người Khmer di cư đến các đô thị, khiến họ không có điều kiện để quan tâm đến bảo tồn văn hóa dân tộc và các nghề truyền thống⁽⁸⁾.

4. Giải pháp phát triển bền vững kinh tế - xã hội cho đồng bào Khmer ở Đồng bằng sông Cửu Long

Để thúc đẩy phát triển bền vững kinh tế - xã hội cho đồng bào Khmer ở ĐBSCL, cần có các giải pháp toàn diện, đồng bộ. Các giải pháp này xây dựng dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về đặc thù của cộng đồng Khmer và bối cảnh ĐBSCL.

Thứ nhất, đa dạng hóa sinh kế và phát triển nông nghiệp bền vững

Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp: Hỗ trợ đồng bào Khmer chuyển đổi từ nông nghiệp truyền thống sang các mô hình sản xuất có giá trị kinh tế cao hơn và thích ứng với biến đổi khí hậu, như mô hình lúa - tôm, lúa - màu, hoặc các mô hình nuôi trồng thủy sản bền vững. Cần có chương trình khuyến nông phù hợp, dễ tiếp cận cho người Khmer nghèo, đặc biệt là những hộ ít đất hoặc không đất sản xuất.

Phát huy tiềm năng thủy sản: ĐBSCL có diện tích mặt nước lớn, là lợi thế để phát triển đánh bắt cá nước ngọt và nuôi thủy sản. Cần khuyến khích phát triển các mô hình nuôi cá bè, các nghề chế biến thủy sản truyền thống như làm khô, làm mắm, đồng thời áp dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Hỗ trợ tín dụng và kỹ thuật: Tiếp tục cung cấp các khoản vay ưu đãi cho đồng bào Khmer để phát triển sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, cần khắc phục những bất cập hiện tại bằng cách gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa hỗ trợ vốn với hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý kinh tế hộ, và tạo điều kiện tiếp cận thị trường. Các chương trình trợ giá, trợ cước, và hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cần được cải thiện để phát huy tác dụng và thực sự đến tay người dân.

Thứ hai, Phát triển du lịch cộng đồng gắn với văn hóa Khmer

Khai thác văn hóa làm động lực: Văn hóa Khmer với những ngôi chùa cổ kính, lễ hội đặc sắc, và nghề thủ công truyền thống là kho báu để phát triển du lịch. Các hoạt động sinh kế gắn với du lịch như chở khách tham quan, kinh doanh ăn uống, du lịch làng nghề, dịch vụ lưu trú (homestay), và bán hàng đặc sản, quà lưu niệm cần được khuyến khích và hỗ trợ.

Xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng: Phát triển các làng văn hóa - du lịch Khmer, tập trung khai thác các điểm đến như chùa Kompong, ao Bà Om, chùa Âng, Bảo tàng Văn hóa dân tộc Khmer Vĩnh Long để xây dựng thành sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh và khu vực. Điều này không chỉ tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân mà còn góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Nâng cao năng lực cộng đồng: Tổ chức các lớp đào tạo về du lịch cộng đồng, kỹ năng quản lý dịch vụ, và tiếng Việt (nếu cần) cho người Khmer để họ có thể chủ động tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch.

Thứ ba, nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục: Tiếp tục đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp trường lớp học, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa có đồng bào Khmer sinh sống. Đảm bảo các trường học đạt chuẩn quốc gia và có đầy đủ điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy.

Phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và chính sách cử tuyển: Tiếp tục phát huy hiệu quả của hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và chính sách cử tuyển để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số được học tập và nâng cao trình độ.

Đẩy mạnh đào tạo nghề và tạo việc làm: Tổ chức các lớp đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và đặc thù của vùng (nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, thủ công mỹ nghệ) cho thanh niên Khmer. Cần có các chương trình hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ thiếu đất sản xuất.

Bảo tồn và phát huy ngôn ngữ Khmer trong giáo dục: Khuyến khích việc dạy và học tiếng Khmer trong các trường học, đặc biệt là tại các trường dân tộc nội trú, thông qua các hoạt động như Hội thi Hùng biện tiếng Khmer. Tiếp tục phát huy vai trò của Trường Trung cấp Pali Khmer trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về ngôn ngữ, văn hóa Khmer.

Thứ tư, cải thiện chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội

Nâng cao tiếp cận dịch vụ y tế: Mở rộng và nâng cấp các trạm y tế xã, bệnh viện huyện ở các vùng có đông đồng bào Khmer. Đảm bảo các cơ sở này có đủ bác sĩ và trang thiết bị để khám chữa bệnh.

Tăng cường truyền thông về bảo hiểm y tế và chăm sóc sức khỏe: Nâng cao nhận thức của người dân tộc thiểu số về thẻ bảo hiểm y tế và ý nghĩa của việc sử dụng thẻ. Triển khai các chương trình y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, phòng chống dịch bệnh hiệu quả hơn. Cần bổ sung chính sách đặc thù riêng và cải thiện việc cung cấp thông tin liên quan tới dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc thiểu số.

Giải quyết vấn đề nhà ở và nước sinh hoạt: Tiếp tục thực hiện các dự án hỗ trợ giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, và nước sinh hoạt cho đồng bào Khmer. Cần ưu tiên xây dựng nhà ở kiên cố, an toàn, thích ứng với điều kiện lũ lụt, bão gió ở ĐBSCL.

Thứ năm, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Khmer

Tăng cường vai trò của chùa Khmer: Chùa Khmer là trung tâm văn hóa, giáo dục và tín ngưỡng. Cần tiếp tục phát huy vai trò này trong đời sống hiện đại, khuyến khích các hoạt động văn hóa, giáo dục tại chùa, đồng thời tạo điều kiện để các sư sãi tiếp tục là người thầy được tôn kính và tin tưởng trong cộng đồng.

Khôi phục và phát huy lễ hội, nghề truyền thống: Hỗ trợ tổ chức các lễ hội văn hóa, ngày hội văn hóa dân tộc thiểu số nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa đặc sắc.

Khuyến khích và hỗ trợ các nghệ nhân truyền nghề cho thế hệ trẻ, đặc biệt là các nghề thủ công có nguy cơ mai một như dệt thổ cẩm, đan lát.

Tích hợp văn hóa vào phát triển: Đảm bảo rằng việc bảo tồn văn hóa không chỉ là giữ gìn các giá trị cũ mà còn là tìm cách tích hợp chúng vào các mô hình phát triển mới một cách sáng tạo, để văn hóa trở thành động lực phát triển, ví dụ thông qua du lịch văn hóa ẩm thực.

5. Kết luận

Phát triển bền vững kinh tế - xã hội của đồng bào dân tộc Khmer ở ĐBSCL là một quá trình phức tạp, đa chiều, đòi hỏi sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội, bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường. Thực tiễn cho thấy, dưới sự quan tâm của Đảng

và Nhà nước, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào Khmer đã có những cải thiện đáng kể, với nhiều mô hình kinh tế hiệu quả và sự đầu tư vào giáo dục, y tế, hạ tầng. Các chính sách dân tộc, đặc biệt là Chương trình Mục tiêu Quốc gia 1719, đã và đang tạo ra những chuyển biến tích cực, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển. Tuy nhiên, quá trình này vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức, để đạt được phát triển bền vững thực sự, cần tiếp cận toàn diện, không chỉ tập trung vào các chỉ số kinh tế mà còn phải chú trọng sâu sắc đến các yếu tố văn hóa, xã hội, và môi trường để đạt mục tiêu đưa đồng bào Khmer khoác lên mình diện mạo mới tươi đẹp và đầy sức sống, cùng cả nước vững tin bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc./

(1) Tuệ Văn (2025), *Đề xuất chính sách đặc thù cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo vùng ĐBSCL*, Báo điện tử Chính phủ, Truy cập tại, <https://baocinhphu.vn/de-xuat-chinh-sach-dac-thu-cho-dong-bao-dan-toc-thieu-so-ngheo-vung-dbscl-102254769.htm>.

(2) Phạm Võ Quỳnh Hạnh Trang (2025), *Vấn đề di cư lao động của người Khmer hiện nay*, Thông tin điện tử Cục Dân số, truy cập tại, <https://vnpa.moh.gov.vn/nguyen-cuu-trao-doi/van-de-di-cu-lao-dong-cua-nguoi-khmer-hien-nay>.

(3) Vũ Thị Mai Văn (2024), *Đặc trưng và những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ nông dân đồng bào dân tộc Khmer*, Tạp chí Chính trị và Phát triển, Truy cập tại, <https://chinhtrivaphattrien.vn/dac-trung-va-nhung-yeu-to-anh-huong-den-su-phat-trien-kinh-te-ho-nong-dan-dong-bao-dan-toc-khmer-a8881.html>.

(4) Tổng cục Thống kê (2022), *Niên giám thống kê*, Nxb. Thống kê, H.,..

(5) Hà Thị Khiết (2022), *Bảo đảm chính sách bình đẳng giữa các dân tộc trên cơ sở phát triển nguồn nhân lực ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số*, Tạp chí Mặt trận, số 8.

(6) Lê Thị Tâm (2022), *Giá trị các tín ngưỡng dân gian của đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Trung tâm Thông tin và Truyền thông, Ban Tôn giáo Chính phủ, truy cập tại, <https://btgcp.gov.vn/tin-bai-nguyen-cuu-va-trao-doi-y-kien-cua-doc-gia/gia-tri-cac-tin-nguong-dan-gian-cua-dong-bao-khmer-o-dong-bang-song-cuu-long-hien-nay-post3vaZAK8RNG.html>.

(7) Nguyễn Phúc Nghiệp - Nguyễn Thị Thảo (2020), *Giao thoa ngôn ngữ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long qua vài địa danh Việt gốc Khmer, gốc Pháp và gốc Mã Lai ở Tiền Giang*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, truy cập tại, <http://nguovan.hnue.edu.vn/Nghi%20C3%AAn-c%E1%BB%A9u/Ng%C3%B4n-ng%E1%BB%AF/p/giao-toha-ngon-ngu-o-vung-dong-bang-song-cuu-long-qua-vai-dia-danh-viet-go-c-khmer-goc-phap-va-goc-ma-lai-o-tien-giang-7627>.

(8) Thạch Nghi Xuân (2025), *Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của người Khmer ở Thành phố Hồ Chí Minh trong phát triển kinh tế - xã hội* □ Tạp chí Quản lý nhà nước, truy cập tại 2025, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/03/20/bao-ton-va-phat-huy-van-hoa-truyen-thong-cua-nguoi-khmer-o-tp-ho-chi-minh-trong-phat-trien-kinh-te-xa-hoi/>.